

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DSST

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2020/TLST- DS, ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Châu Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 161, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 78, ấp V, xã B, huyện L, Đ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 5 năm 2017). (có mặt)

- Bị đơn: Châu Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 159/602, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ; (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; địa chỉ: 355A, khóm B2, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn G, sinh năm 1953; (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1982; (vắng mặt).
3. Nguyễn Quang Th1, sinh năm 1991; (vắng mặt).
4. Lý Thị HA, sinh năm 1990; (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 161, ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

5. Châu Văn L, sinh năm 1976; (vắng mặt).
6. Châu Văn C, sinh năm 1978; (vắng mặt).
7. Châu Kim M, sinh năm 1980; (vắng mặt).
8. Châu Thị O, sinh năm 1982; (vắng mặt).
9. Châu Văn I, sinh năm 1986; (vắng mặt).
10. Huỳnh Thị Thu B, sinh năm 1976; (vắng mặt).
11. Lục Thị X, sinh năm 1978; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 159/602, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ;

12. Ngân hàng N; địa chỉ: khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt).

13. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: QL 80, khóm B1, TT. L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Nh – Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L là đại diện theo pháp luật (có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Châu Văn H, sinh năm: 1961, địa chỉ: tổ 22, ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đại trình bày:* Vào 1989, bà Châu Thị T nhận chuyển nhượng của bà Châu Thị Ngự diện tích đất tại xã Hội An Đông. Đến năm 2000, bà T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.875m² thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2000. Đến năm 2010, bà T làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa số 09, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.719,8m² vào ngày 20/01/2011, khi cấp có đo đạc thực tế. Từ khi nhận chuyển nhượng đất từ bà Ngự thì gia đình bà T canh tác và sử dụng con mương đang tranh chấp cho đến nay. Vào năm 1992, ông Châu Văn M là cha ruột của ông Châu Văn Đ, hỏi bà T vét con mương lạng để lấy nước vào ruộng sử dụng chung, do là bà con nên bà T đồng ý. Được vài năm thì không ai sử dụng nữa do bên phía ông M sử dụng một đường nước khác và con mương tự bồi lắng dần. Năm 2015, phần đất của ông M lúc này giao cho con là ông Đ sử dụng và ông Đ đã lên vườn để trồng

cây ăn trái. Do con mương đã bị bồi lắng nên bài T sử dụng để trồng hoà màu thì ông Đ ngăn cản và cho rằng diện tích con mương qua đo đạc thực tế là $77,2\text{m}^2$ trong phạm vi các mốc M11, M12, M15, M14 về M11 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/5/2022 là của ông Đ nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Qua đo đạc thực tế phần diện tích đất của bài T hiện nay chỉ còn lại 1.583m^2 , cộng thêm phần đất tranh chấp là $77,2\text{m}^2$ là $1.660,2\text{m}^2$ là vẫn còn thiếu $59,6\text{m}^2$ và theo sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này thuộc thửa 09 của hộ bài T. Do đó, bà Châu Thị T yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất tranh chấp là $77,2\text{m}^2$, trong phạm vi các mốc M11, M12, M15, M14 về M11 là thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 33, do hộ bà Châu Thị T đứng tên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại ấp ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ. Yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 9, tờ bản đồ số 33 của hộ bài T với thửa đất số 414, tờ bản đồ số 24 của ông Đ là đường thẳng nối mốc M11 đến M14. Trên phần đất tranh chấp hiện nay không có tài sản gì trên đất và diện tích đất tranh chấp có mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa.

Ngoài ra, năm 2004, bài T có mua của ông Châu Văn Trọng thửa đất số 440, tờ bản đồ 24, diện tích 5.791m^2 đất lúa, nhưng chưa được sang tên. Đất hiện do bà Châu Thị T quản lý sử dụng từ năm 2004 đến nay. Trong quá trình sử dụng thì bên phía ông Đ đắp bờ ranh lấn qua phần đất của bài T. Đến ngày Tòa án đến xem xét thẩm định 02/5/2019, 02 bên xác định ranh lại thì phát hiện ra phần diện tích ông Đ lấn sang phần đất bài T ngang đầu ngoài là 0,4m, ngang đầu trong là 0m (xác định được trụ đá) dài hết thửa đất (khoảng 200m). Đến ngày 26/4/2022, Khi toà án tiến hành thẩm định bổ sung thì giữa bài T và ông Đ đã thoả thuận thống nhất ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 440 của bài T đang sử dụng với thửa đất số 414 của ông Đ xong theo đó hai bên đã thống nhất được ranh giới giữa hai thửa đất xong. Do đó, thửa đất số 440 và thửa đất số 414 không còn tranh chấp ranh nữa nên bà Thuận rút yêu cầu tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 440 mà bài T sử dụng với thửa đất số 414 của ông Đ. Đề nghị Toà án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bài T

- *Bị đơn Châu Văn Đ tại phiên toà trình bày:* Hộ ông Châu Văn Đ đứng tên diện tích đất 3.674m^2 đất lúa, thuộc thửa 414, tờ bản đồ 24, ông Đ cấp đổi lại và được UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 20/01/2011. Nguồn gốc thửa đất là của ông bà để lại cho cha ông Đ tên Châu Văn M canh tác. Đến khoảng năm 2005 cha ông Đ đã chuyển quyền cho hộ ông Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây cha có sử dụng đường nước chung con mương của người bác tên Châu Văn H, nên cha ông Đ phải đào con mương ngang để dẫn nước tưới tiêu. Cô ông Đ tên Châu Thị Ng thấy cha ông Đ khó khăn trong việc sử dụng đường nước tưới nên đã cho phần đất phía sau nhà bài T để cha ông Đ đào con mương nước dài khoản 29m, rộng khoảng 02m để sử dụng. Đến năm 1980, cha ông Đ đã đào con mương trong diện tích

đất như trên và đào thêm một cái mương nối dài trên phần đất của mình để thuận tiện canh tác. Lúc bà Ngự cho chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì.

Do làm ruộng không hiệu quả nên ông Đ đã lên vườn để trồng rẫy và cây ăn quả. Năm 2013, ông Đ cố đất cho người khác và đi làm xa. Đến năm 2015, ông Đ trở về canh tác thì xảy ra tranh chấp với bà T phần diện tích đất con mương lạng. Nay ông Đ không đồng ý xác định diện tích đất tranh chấp 77,2m² là của bà T mà yêu cầu Toà án xác định diện tích đất tranh chấp là của ông Đ và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 414 của ông Đ với thửa đất số 09 của bà T là mốc M12 đến M15 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò. Trên phần đất này do xảy ra tranh chấp nên hiện nay không ai sử dụng, đất bỏ trống cỏ mọc um tùm.

Quá trình giải quyết vụ án hai bên tranh chấp ranh giới giữa thửa đất số 414 của ông Đ với thửa đất số 9 và thửa 440 của bà Th. Tuy nhiên hiện nay giữa bà T và ông Đ đã thoả thuận xong phần ranh đất giữa thửa đất số 414 của ông Đ với thửa đất số 440 của bà T hiện nay không còn tranh chấp. Hiện nay chỉ còn tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 414 của ông Đ với thửa đất số 9 của bà T. Do đó, bà T rút yêu cầu về tranh chấp ranh đất giữa thửa 440 và thửa 414 của ông Đ thì phía ông Đ thống nhất.

- *Tại phiên toà người làm chứng là ông Châu Văn H trình bày:* Ông H là con của người thứ 7, bà T là con của người thứ 6, ông Đ là con của người thứ 10, giữa các đương sự không có mâu thuẫn gì với nhau. Phần đất tranh chấp theo ông H được biết là của cô MN (ông nội có 04 người con gọi là thứ 10) cho chú MM sử dụng làm đường nước. Khi cô Ngự bán cho bà T chỉ bán diện tích đất còn con mương đang tranh chấp không bán mà để làm đường nước chung cho mọi người. Trước đây ông Hải sử dụng diện tích đất giáp đất ông Đ và bà T nhưng nay em ruột là Châu Văn V sử dụng, gia đình ông H từ trước đến nay không có sử dụng đường nước này mà sử dụng một đường nước khác. Ông H khẳng định con mương đang tranh chấp là của cô MN cho cha của ông Đ sử dụng nên con mương tranh chấp là của ông Đ.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Toàn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà T đã được UBND huyện Lập Vò cấp giấy chứng nhận thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 33. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 09 của bà T và thửa đất số 414 của ông Đ là đường thẳng nối mốc M11 đến mốc M14 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lập Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định diện tích đất tranh chấp là $77,2m^2$ là của nguyên đơn và yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 09 của nguyên đơn với thửa đất số 414 của bị đơn nên quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Còn UBND huyện có đơn xin vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều xác định phần diện tích đất tranh chấp ranh giới giữa thửa đất số 09, tờ bản đồ số 33 của hộ bà T và thửa đất số 414 của hộ ông Đ tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ có diện tích đất $77,2m^2$ trong phạm vi các mốc M11, M12, M15, M14 về M11, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất tranh chấp không có tài sản gì trên đất và do đất đang tranh chấp nên hiện nay cũng không có ai quản lý, sử dụng.

[2.2] Căn cứ vào sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 9, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện cấp cho bà T thể hiện cạnh 4 đến 5 là 3,98m theo đo đạc thực tế thể hiện tại mốc M16, M15 đến M14 có độ dài là 4,16m chênh lệch thừa là 18cm. cạnh 1 đến 6 là 54,43m theo đo đạc thực tế thể hiện tại mốc M1, M13, M12, M11, đến M10 có độ dài là 51,03m chênh lệch thiếu là 3,4m.

Căn cứ vào sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 414, tờ bản đồ số 24 được UBND huyện cấp cho hộ ông Đ thể hiện cạnh giáp đất ông Trạng (bài T sử dụng) có độ dài là 123,16m theo đo đạc thực tế thể hiện tại mốc M7 đến M14 có độ dài là 123m chênh lệch thiếu là 16cm. Tuy nhiên, tại cạnh này có trụ đá tại mốc M14 ông Đ thừa nhận là do ông Đ trồng. Đối với cạnh giáp đất của ông Vân có độ dài là 124,18m theo đo đạc thực tế thể hiện tại mốc M8, M9, M10 đến M11 có độ dài là 124,95m chênh lệch thừa là 0,77m.

[2.3] Tại Công văn số 2476/CNHLVO ngày 18/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò cung cấp thông tin: Theo sơ đồ đo đạc số 128/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò từ mốc M11, M12, M15, M14 về M11 có diện tích 77,2m² là phần đất thuộc một phần thửa đất số 9, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị T vào ngày 20/01/2011.

[2.4] Tại phiên toà các đương sự đều thừa nhận phần diện tích đất tranh chấp ranh là con mương lạng có nguồn gốc là của bà Châu Thị Ng. Phía bài T cho rằng khi nhận chuyển nhượng đất của bà Ngự thì chuyển nhượng hết thửa đất kể cả con mương đang tranh chấp. Còn phía ông Đ và người làm chứng cho rằng con mương này đã được bà Ngự cho ông My (cha của ông Đ) sử dụng từ lâu, khi bà Ngự chuyển nhượng cho bài T không chuyển nhượng cho bài T diện tích đất con mương lạng nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

Như vậy, có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp 77,2m² trong phạm vi các mốc từ mốc M11, M12, M15, M14 về M11, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 33 đã được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Châu Thị T nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ bài T. Xét lời trình bày của phía ông Đ là không có căn cứ nên không chấp nhận. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bài T. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 09, tờ bản đồ số 33 của hộ bài T và thửa đất số 414, tờ bản đồ số 24 của hộ ông Đ là đoạn thẳng nối M11 đến mốc M14 theo sơ đồ đo đạc ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

[2.5] Đối với ranh đất giữa thửa đất số 440 do bài T sử dụng với thửa đất số 414 của ông Đ. Bài T đã rút yêu cầu, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bài T đối việc tranh chấp ranh đất giữa thửa 440 với thửa 414.

[2.6] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Châu Văn Đ hiện nay theo ông Đ trình bày đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng. Toà án giao thông báo thụ lý vụ án, đã triệu tập Ngân hàng đến Toà án nhưng phía Ngân hàng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với lời

trình bày của phía ông Đ cũng không đến Toà án để tham gia phiên toà. Xét thấy, các đương sự chỉ tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và phần diện tích đất tranh chấp nhỏ nên việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng do Toà không xem xét việc ông Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng trong vụ kiện này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016, buộc ông Châu Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000đ, số tiền định giá là 300.000đ và số tiền đo đạc là 12.839.000đ, tổng cộng là 13.539.000đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng). Theo hợp đồng đo đạc số 814/HĐ.ĐĐ ngày 12/11/2020, biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao sản phẩm ngày 12/11/2020 thể hiện đơn giá đo đạc là thửa đất dưới 3.000m² sẽ có giá đo đạc là 3.143.000đ/thửa và thửa đất có diện tích dưới 10.000m² sẽ có giá đo đạc là 4.848.000đ/thửa. Trước đây, bà T tranh chấp ranh 02 thửa gồm thửa 440 diện tích 5.743m² và thửa 09 diện tích 1.719m² của bà T với thửa đất số 414 diện tích 3.674m² của ông Đ. Do đó, bà T đã ký hợp đồng với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò tiến hành đo đạc 03 thửa đất nêu trên tổng số tiền là 12.839.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà T đã rút yêu cầu tranh chấp giữa thửa 440 với thửa 414 chỉ còn tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 09 của bà T với thửa 414 của ông Đ. Như vậy, số tiền đo đạc đối với thửa đất của bà T tại thửa 440 với số tiền là 4.848.000đ thì bà T phải chịu. Còn lại số tiền đo đạc tại thửa 09 của bà T với thửa đất số 414 của ông Đ đang tranh chấp với số tiền đo đạc là 7.991.000đ (thửa 09 là 3.143.000đ/thửa và thửa 414 là 4.848.000đ) do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Như vậy, số tiền chi phí tố tụng bà T phải chịu là 4.848.000đ còn ông Đ phải chịu gồm số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo đạc tổng cộng là 8.691.000đ theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền này bà T đã nộp và chi xong nên ông Đ phải nộp để trả lại cho bà T.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 106, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai;
- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T.

1.1. Xác định diện tích đất 77,2m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi các mốc M11, M12, M15, M14 về M11 theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 33 đã được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Châu Thị T nên hộ bà T được quyền quản lý sử dụng.

1.2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 9, tờ bản đồ số 33 của hộ bà Châu Thị T với thửa số 414, tờ bản đồ số 25 của hộ ông Châu Văn Đ, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ là đoạn thẳng nối mốc M11 đến mốc M14 theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Tài sản của các bên (nếu có) lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

1.3. Đình chỉ yêu cầu của bà Châu Thị T về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 440 của bà T đang sử dụng và thửa đất số 414 của hộ ông Châu Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Châu Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, án phí Toà án số 0005514 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

2.2. Ông Châu Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Bà Châu Thị T phải chịu số tiền là 4.848.000đ (Bốn triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số tiền này bà T đã nộp và chi xong.

3.2. Buộc ông Châu Văn Đ phải chịu số tiền là 8.691.000đ (Tám triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) để trả lại cho bà Châu Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng các đương sự vắng

mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội